TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Hùng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/11/2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sơn Th, sinh năm 1967;

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Q, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Sơn Th trình bày:

Vào năm 2005, anh Sơn Th có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Lâm Thị Q và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 đứa con chung tên: Sơn Thị Cẩm L, sinh năm 2002; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên; Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015, hiện đang sống với chị Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng anh chị không hợp nhau, có bất đồng trong cuộc sống nên vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Anh Sơn Th yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị Q; Về con chung: Sơn Thị Cẩm L, sinh năm 2002; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Anh Th đồng ý cho chị Q được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015 và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lâm Thị Q trình bày:

Chị Lâm Thị Q thống nhất với anh Sơn Th về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như anh Th trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Q cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mạnh ai người đó sống, cũng không ai liên lạc với ai nên chị Q đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: Sơn Thị Cẩm L, sinh năm 2002; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015 và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Ý kiến của con chung Sơn Thị Khánh B: Cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Lâm Thị Q.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất với nhau: Về quan hệ hôn nhân; Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất với nhau: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Q thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về con chung: Sơn Thị Cẩm H, sinh năm 2002; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên, chị Q và anh Th không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh Th đồng ý cho chị Q được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015 là phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống với chị Q. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Bị đơn chị Lâm Thị Q cư trú tại ấp C, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Sơn Th, chị Lâm Thị Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh Th, chị Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sơn Th và chị Lâm Thị Q kết hôn với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh Th, chị Q là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng anh có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc anh Th xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q xác định giữa chị và anh Th không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị Q, anh Th đã sống ly thân hơn 05 năm nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q, anh Th đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt và anh chị cũng đã thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị Q.

[4] Về con chung: Sơn Thị Cẩm L, sinh năm 2002; Sơn Trọng, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên, chị Quyết và anh Th không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh Th đồng ý cho chị Q được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015 là phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống với chị Q. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sơn Th, chị Lâm Thị Q thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Sơn Th.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Sơn Th với chị Lâm Thị Q.

2. Về con chung: Sơn Thị Cẩm L, sinh năm 2002; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2000 đều đã thành niên, chị Q và anh Th thống nhất không có yêu cầu nên không xem xét. Chị Lâm Thị Q được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Khánh B, sinh ngày 30/01/2015 là phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống chung với chị Q. Anh Sơn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lâm Thị Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sơn Th, chị Lâm Thị Q khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Sơn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014254, ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Sơn Th đã nộp đủ án phí. Chị Lâm Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tú Trinh